

Số: 117/BC-THNT

Mường Chà, ngày 30 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm học 2025 - 2026

(Theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng
Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường PTDTBT TH Nậm Tin

2. Trụ sở chính:

- Địa chỉ: Bản Nậm Tin 2, xã Mường Chà, tỉnh Điện Biên

- Điện thoại: 0967690868.

- Trang thông tin điện tử: <https://thnamtin.nampo.edu.vn/>

3. Loại hình: Công lập

- Tên cơ quan quản lý trực tiếp: UBND xã Mường Chà, tỉnh Điện Biên

4. Sứ mệnh, tầm nhìn, mục tiêu giáo dục:

4.1. Sứ mệnh:

Tạo dựng môi trường giáo dục hợp tác, thân thiện, toàn diện, có chất lượng giáo dục tốt. Ở đây, mỗi học sinh đều có cơ hội bộc lộ, phát triển những điểm mạnh của mình và hoàn thiện bản thân, mỗi giáo viên đều có cơ hội trở thành những giáo viên xuất sắc.

4.2. Tầm nhìn:

Trường PTDTBT TH Nậm Tin là một trong những ngôi trường có chất lượng giáo dục toàn diện, đáp ứng yêu cầu của đổi mới giáo dục; là địa chỉ tin cậy để phụ huynh gửi gắm con em mình, nơi giáo viên và học sinh luôn năng động, sáng tạo và có khả năng vươn tới thành công.

4.3. Mục tiêu

Đến năm 2026, nhà trường phấn đấu đạt được các mục tiêu sau:

1.1. Chất lượng giáo dục:

Phấn đấu các tiêu chí của trường đạt Chuẩn Quốc gia mức độ 1.

Tiếp tục nâng cao chất lượng đội ngũ và chất lượng giáo dục học sinh.

1.2. Trình độ chuyên môn cán bộ quản lý, giáo viên:

Trình độ chuyên môn giáo viên: Đạt chuẩn 100%

1.3. Chất lượng học sinh:

- Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt trên 99 %;
- Tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt 100%;
- Tỷ lệ trẻ em từ trên 11 đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt 100%.

1.4. Thư viện và thiết bị dạy học

Duy trì thư viện đạt chuẩn theo quy định, và xây dựng một số tiêu chí của thư viện tiên tiến; mua sắm trang thiết bị dạy học đầy đủ, đáp ứng yêu cầu dạy và học của giáo viên và học sinh.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển:

Trường PTDTBT Tiểu học Nậm Tin được chia tách từ trường từ trường TH Chà Cang theo quyết định của UBND huyện Mường Nhé. Tháng 12 năm 2013 trường được đổi tên thành trường PTDTBT TH Nậm Tin theo QĐ số 739/QĐ-UBND, ngày 30 tháng 12 năm 2013 của UBND huyện Nậm Pồ, về việc đổi tên trường PTDTBTTH Nậm Pồ thành trường PTDTBT TH Nậm Tin. Ban đầu mới thành lập trường còn gặp nhiều khó khăn về cơ sở vật chất cũng như về đội ngũ cán bộ, giáo viên, công nhân viên. Song tập thể cán bộ giáo viên, công nhân viên và học sinh nhà trường đã nỗ lực vượt lên khó khăn để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Tập thể trường PTDTBT Tiểu học Nậm Tin liên tục được Chủ tịch UBND huyện Nậm Pồ công nhận danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến” và tặng Giấy khen nhiều năm liên tục. Được chủ tịch tỉnh Điện Biên công nhận danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc” và tặng Bằng khen năm học 2023-2024. Hằng năm có trên 95% cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” và 20% cá nhân được Chủ tịch UBND huyện tặng Giấy khen, 15% cá nhân được công nhận danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở”.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người đại diện liên hệ

- Họ tên: Lê Thị Chiên
- Chức vụ: Hiệu trưởng
- Địa chỉ làm việc: Trường PTDTBT TH Nậm Tin, xã Mường Chà, Tỉnh Điện Biên.
- Điện thoại: 0967690868.
- Gmail: Lethien11tb@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy

a. Quyết định thành lập trường:

- Quyết định số QĐ số 739/QĐ-UBND, ngày 30 tháng 12 năm 2013 của UBND huyện Nậm Pồ, về việc đổi tên trường PTDTBTTH Nậm Pồ thành trường PTDTBT TH Nậm Tin.

b. Quyết định công nhận Hội đồng trường:

- Quyết định số 4371/QĐ-UBND, ngày 27/09/2024 của UBND huyện Nậm Pồ về việc bổ sung kiện toàn Hội đồng trường tiểu học nhiệm kỳ 2021-2026.

- Danh sách hội đồng trường

STT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ hiện tại	Ghi chú
1.	Lê Thị Chiên	BTCB, Hiệu trưởng	
2.	Đinh Văn Hưởng	Chủ tịch công đoàn	
3.	Poòng Thành Văn	Bí thư đoàn TN	
4.	Vi Thị Lan Hương	Tổ trưởng tổ CM khối 1	
5.	Hoàng Thúy Hà	Tổ phó tổ CM khối 1	
6.	Lò Thị Kim	Tổ trưởng CM khối 2+3	
7.	Khổng Đức Cường	Tổ phó CM khối 2+3	
8.	Vì Thị Thanh Thùy	Tổ trưởng tổ CM khối 4+5	
9.	Đỗ Thị Bích Thảo	Tổ trưởng tổ CM khối 4+5	
10.	Lường Văn Minh	Tổ trưởng tổ văn phòng	
11.	Thào A Ừ	Trưởng ban đại diện cha mẹ học sinh	

Tuy nhiên đến nay thực hiện Nghị Quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị; Nghị Quyết số 281/NQ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW, Bộ GD&ĐT ban hành văn bản số 6054/BGDĐT-GDPT, v/v Công tác Hội đồng trường trong các trường giáo dục mầm non, phổ thông công lập. Hướng dẫn thực hiện một số nội dung về công tác hội đồng trường trong các trường mầm non, phổ thông công lập. Nhà trường đã thực hiện theo văn bản và không có sự thay đổi.

c. Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng:

- Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng: Lê Thị Chiên

+ Quyết định số 1544/QĐ-UBND ngày 28/5/2024 của UBND huyện Nậm Pồ, Quyết định về việc điều động và bổ nhiệm viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý.

+ Quyết định số 77/QĐ-UBND ngày 15/7/2025 của UBND xã Mường Chà, Quyết định về việc bổ nhiệm viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý.

- Quyết định bổ nhiệm Phó hiệu trưởng 1: Tòng Văn Thoan

+ Quyết định số 75/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND huyện Nậm Pồ, Quyết định về việc bổ nhiệm lại viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý;

+ Quyết định số 78/QĐ-UBND ngày 15/7/2025 của UBND xã Mường Chà, Quyết định về việc bổ nhiệm viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý.

- Quyết định bổ nhiệm Phó hiệu trưởng 2: Triệu Chí Hoan

+ Quyết định số 364/QĐ-UBND ngày 11/3/2025 của UBND huyện Nậm Pồ, Quyết định về việc bổ nhiệm viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý;

+ Quyết định số 79/QĐ-UBND ngày 15/7/2025 của UBND xã Mường Chà, Quyết định về việc bổ nhiệm viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý.

d. Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục:

- Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của CSGD:

+ Công khai mục tiêu, chương trình, kế hoạch giáo dục, điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục, kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục; tổ chức giảng dạy, học tập và hoạt động giáo dục đạt chất lượng đáp ứng mục tiêu, yêu cầu cần đạt theo chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

+ Thực hiện giáo dục bắt buộc, phổ cập giáo dục và xóa mù chữ tại địa bàn. Huy động trẻ em đi học đúng độ tuổi, vận động và tạo điều kiện cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt đến trường. Nhận bảo trợ và quản lý các hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học theo sự phân công của cấp có thẩm quyền.

+ Xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển nhà trường theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục đáp ứng mục tiêu, yêu cầu cần đạt theo chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học.

+ Triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; thực hiện lựa chọn sách giáo khoa theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; triển khai thực hiện sách giáo khoa và nội dung giáo dục của địa phương theo quyết định của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh); thực hiện tự chủ chuyên môn trong tổ chức các hoạt động giáo dục tại trường tiểu học.

+ Thực hiện tự kiểm định chất lượng và đảm bảo chất lượng giáo dục theo quy định.

+ Quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.

+ Quản lý và sử dụng đất, tài chính và tài sản của nhà trường theo quy định của pháp luật.

+ Phối hợp chặt chẽ với cha mẹ hoặc người giám hộ học sinh, các tổ chức và cá nhân trong cộng đồng thực hiện các hoạt động giáo dục. Tổ chức cho giáo viên, người lao động và học sinh tham gia các hoạt động xã hội tại địa phương.

+ Xây dựng môi trường văn hoá - giáo dục trong nhà trường, tham gia xây dựng môi trường văn hoá - giáo dục ở địa phương.

+ Được tiếp nhận các khoản tài trợ, viện trợ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân đối với nhà trường theo quy định của pháp luật.

+ Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

*** Sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục**

+ Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có: 01 chi bộ gồm 25 đảng viên.

+ 01 Hội đồng trường với 11 thành viên.

+ 01 Hiệu trưởng và 02 phó Hiệu trưởng.

+ 01 Hội đồng thi đua khen thưởng.

+ Hội đồng kỷ luật (thành lập khi xử lý kỷ luật theo Điều lệ nhà trường).

+ Tổ chức Đội TNTP Hồ Chí Minh có 610 đội viên và nhi đồng

+ Ban đại diện CMHS.

+ Các tổ chuyên môn: 4 tổ chuyên môn và 01 tổ Văn phòng.

đ. Quyết định số 739/QĐ-UBND, ngày 30 tháng 12 năm 2013 của UBND huyện Nậm Pồ, về việc đổi tên trường PTDTBTTH Nậm Pồ thành trường PTDTBTTH Nậm Tin.

e) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo nhà trường:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số điện thoại	Thư điện tử
1	Lê Thị Chiên	Hiệu trưởng	0967690868	Lethien11tb@gmail.com
2	Toàn Văn Thoan	Phó hiệu trưởng	0354228557	Tongthoan74@gmail.com
3	Triệu Chí Hoan	Phó hiệu trưởng	0399001887	chihoan1985@gmail.com

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục:

- Chiến lược phát triển nhà trường.
- Quy chế dân chủ.
- Các nghị quyết của Hội đồng trường.
- Các quy định về quản lý hành chính, tài chính, nhân sự.
- Chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục.
- Kế hoạch, thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục: Không
- Các quy chế khác.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Số lượng CBQL, GV, NV chia theo vị trí việc làm và trình độ đào tạo: Tổng số 29 CBQL, GV, NV, trong đó:

STT	Tên vị trí việc làm	Số lượng người	Ghi chú
Vị trí việc làm gắn với công việc lãnh đạo, quản lý			
1	Hiệu trưởng	01	
2	Hiệu phó	02	
Vị trí việc làm gắn với chức danh nghề nghiệp chuyên ngành			
1	Giáo viên TH hạng II	3	
2	Giáo viên TH hạng III	20	
3	Giáo viên TH hạng IV	0	
Vị trí việc làm gắn với chức danh công việc hỗ trợ, phục vụ			
1	Vị trí việc làm Thiết bị	0	
2	Vị trí việc làm Thư viện	1	
3	Vị trí việc làm Y tế trường học	1	
4	Vị trí việc làm Kế toán	0	
5	Vị trí việc làm Văn thư	1	
Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ			
1	Nhân viên bảo vệ	1	
2	Nhân viên phục vụ	6	

2. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định

100% CBQL, giáo viên, nhân viên đạt chuẩn.

3. Số lượng, tỷ lệ giáo viên cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định

Cán bộ QL, giáo viên 100% hoàn thành bồi dưỡng hằng năm

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT:

Thông tin về cơ sở vật chất và tài liệu học tập sử dụng chung:

a) Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

- Nhà trường có 1 điểm trường chính và 4 điểm trường lẻ với tổng diện tích là 11945m²/610 học sinh, trung bình đạt 19,6m²/học sinh đạt tiêu chuẩn theo quy định

tiêu chuẩn quốc gia mức độ 1. Diện tích khuôn viên, sân chơi, sân tập theo quy định, đảm bảo cho học sinh luyện tập thường xuyên và có hiệu quả.

- CB, GV, NV và học sinh trong trường có ý thức cao trong việc giữ gìn, bảo vệ cảnh quan trường lớp, CSVC đã được đầu tư và tu sửa hàng năm đảm bảo cho công tác dạy và học.

b) Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

- Nhà trường có đủ số phòng học đáp ứng yêu cầu mỗi lớp một phòng riêng. Diện tích phòng học đảm bảo đúng quy định. Các phòng học có đầy đủ bàn ghế, hệ thống ánh sáng, quạt, tủ đựng tài liệu đúng quy cách. Trang thiết bị giáo dục được trang bị khá đầy đủ.

- Khối phòng phục vụ học tập của nhà trường gồm có: Phòng Tin học, phòng Ngoại ngữ, phòng Thư viện, phòng Thiết bị; phòng Truyền thống và hoạt động Đội; các phòng có đầy đủ nội quy và trang thiết bị giáo dục, đều đảm bảo. Phòng Tin học có tổng số 14 máy tính. Các máy đều được kết nối mạng Internet tạo điều kiện cho giáo viên giảng dạy; học sinh học và tham gia ôn luyện các cuộc thi trên mạng, đáp ứng được yêu cầu phát hiện, bồi dưỡng học sinh năng khiếu. Các phòng khác đáp ứng các yêu cầu tối thiểu các hoạt động giáo dục nhà trường.

- Khối phòng phục vụ học tập và khối hành chính - quản trị có đủ theo quy định phục vụ cho công tác quản lý, dạy và học. Trong các phòng được trang bị đầy đủ đồ dùng, thiết bị đáp ứng yêu cầu trong từng lĩnh vực.

- Trường có nhà để xe đủ diện tích, thuận tiện, hài hòa với khuôn viên, đáp ứng nhu cầu của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên. Khu bếp, nhà ăn, nhà nghỉ đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho GV, nhân viên và học sinh.

c) Số thiết bị dạy học hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

- Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường. Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học. Số máy chiếu và ti vi thông minh được dùng để sử dụng trong dạy học cơ bản đáp ứng được nhu cầu dạy và học.

- Ngoài ra nhà trường tiếp tục phát động phong trào giáo viên tham gia làm đồ dùng dạy học và khen thưởng động viên những giáo viên có đồ dùng đạt chất lượng phát huy tối đa việc sử dụng vào giảng dạy. Ban giám hiệu và tổ chuyên môn thường xuyên kiểm tra, dự giờ đánh giá việc sử dụng đồ dùng, thiết bị dạy học và rút kinh nghiệm sau mỗi giờ dạy.

- Hàng năm có kế hoạch tu sửa thiết bị, đồ dùng dạy học. Thường xuyên tham mưu, đề xuất với các cấp lãnh đạo, kiến nghị kịp thời, xin cấp bổ sung thiết bị đồ dùng dạy học đảm bảo cho hoạt động dạy và học.

d) Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Nhà trường có đầy đủ sách báo, tài liệu tham khảo. Nhà trường đã có “tủ sách giáo khoa dùng chung” để phục vụ số học sinh không đủ điều kiện mua sách, đảm bảo cho mỗi học sinh có 01 bộ sách giáo khoa học tập bằng hình thức mua.

- Sách Pháp luật gồm: có 33 đầu sách, phục vụ cho công tác tuyên truyền, phổ biến, tra cứu, tìm hiểu các thông tin về chính sách, pháp luật góp phần nâng cao trình độ hiểu biết pháp luật của CB, GV, NV và học sinh trong nhà trường. Đây là một trong những công cụ tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật hiệu quả và thiết thực.

- Sách bồi dưỡng về nghiệp vụ sư phạm, cung cấp cho giáo viên tìm hiểu, nghiên cứu các phương pháp dạy học tối ưu đáp ứng nhu cầu đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới chương trình giáo dục phổ thông năm 2018.

- Tài liệu hướng dẫn giáo viên dùng để phục vụ cho công tác nghiên cứu, học tập, đổi mới phương pháp, nâng cao kiến thức giảng dạy đáp ứng nhu cầu dạy và học của nhà trường: 125 quyển.

Ngoài ra còn có các loại sách tham khảo: Sách Bác Hồ: 14 quyển, Sách Văn hoá, Lịch sử - Biển đảo: 132 quyển, Sách Kỹ năng sống: 139 quyển, Sách thiếu nhi: 259 quyển, Sách tham khảo: 47 quyển.

- Thư viện có hệ thống máy tính được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của CBQL, GV, NV và học sinh.

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

- Nhà trường đã thực hiện tự đánh giá chất lượng giáo dục theo các văn bản của Bộ Giáo dục và Đào tạo, hằng năm đều xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục.

- Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục đối với nhà trường đã thực hiện đánh giá ngoài theo các văn bản hướng dẫn.

- Hằng năm đều xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục để khắc phục những hạn chế nhằm đưa phong trào dạy và học của nhà trường ngày được nâng lên

* Đánh giá theo từng tiêu chí

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		X		
Tiêu chí 1.2		X		

Tiêu chí 1.3		X	X	
Tiêu chí 1.4		X	X	
Tiêu chí 1.5		X		
Tiêu chí 1.6		X		
Tiêu chí 1.7		X		
Tiêu chí 1.8		X		
Tiêu chí 1.9		X		
Tiêu chí 1.10		X		
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		X		
Tiêu chí 2.2		X		
Tiêu chí 2.3		X		
Tiêu chí 2.4		X		
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		X		
Tiêu chí 3.2		X		
Tiêu chí 3.3	X			
Tiêu chí 3.4	X			
Tiêu chí 3.5	X			
Tiêu chí 3.6	X			
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		X		
Tiêu chí 4.2		X		
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		X		
Tiêu chí 5.2		X		
Tiêu chí 5.3		X		
Tiêu chí 5.4		X	X	X
Tiêu chí 5.5		X	X	X

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC:

1. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước:

a) Kết quả tuyển sinh; tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối; số lượng học sinh học 02 buổi/ngày; số lượng học sinh nam/học sinh nữ, học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật; số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường;

Năm học 2025 - 2026 nhà trường có tổng số **610** học sinh, số học sinh nữ là 298 em chiếm 48,9%. Có **23** lớp, bình quân học sinh/lớp đạt 26,4 học sinh. Học sinh dân tộc thiểu số chiếm 99% số học sinh toàn trường. Tỷ lệ học sinh được huy động ra lớp đạt 100%; các em đi học chuyên cần, có ý thức tham gia học tập, lao động và rèn luyện tốt. Có 610/610 HS được học 2 buổi/ngày đạt 100%. Toàn trường có 4 học sinh khuyết tật học hòa nhập.

b) Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp:

[illegible]

9. Hoạt động trải nghiệm	610	123	60	135	62	116	59	124	51	112	66
Hoàn thành tốt	170	34	17	33	20	35	17	34	18	34	24
Hoàn thành	440	89	43	102	42	81	42	90	33	78	42
Chưa hoàn thành											
10. Giáo dục thể chất	610	123	60	135	62	116	59	124	51	112	66
Hoàn thành tốt	183	34	17	34	18	37	17	39	20	39	28
Hoàn thành	427	89	43	101	44	79	42	85	31	73	38
Chưa hoàn thành											
11. TH-CN (Công nghệ)	352					116	59	124	51	112	66
Hoàn thành tốt	103					33	16	34	18	36	25
Hoàn thành	249					83	43	90	33	76	41
Chưa hoàn thành											
12. TH-CN (Tin học)	352					116	59	124	51	112	66
Hoàn thành tốt	90					31	14	32	17	27	17
Hoàn thành	232					72	38	80	30	80	49
Chưa hoàn thành	30					13	7	12	4	5	
13. Ngoại ngữ	352					116	59	124	51	112	66
Hoàn thành tốt	81					28	12	29	15	24	15
Hoàn thành	235					72	39	81	33	82	50
Chưa hoàn thành	36					16	8	14	3	6	1
14. Tiếng dân tộc											
Hoàn thành tốt											
Hoàn thành											
Chưa hoàn thành											
II. Năng lực cốt lõi											
Năng lực chung											
Tự chủ và tự học	610	123	60	135	62	116	59	124	51	112	66
Tốt	176	32	16	32	19	35	17	39	19	38	26
Đạt	422	91	44	103	43	81	42	79	31	68	39
Cần cố gắng	12							6	1	6	1
Giao tiếp và hợp tác	610	123	60	135	62	116	59	124	51	112	66
Tốt	179	35	18	32	19	35	17	39	19	38	26
Đạt	418	88	42	103	43	81	42	79	31	67	38
Cần cố gắng	13							6	1	7	2
Giải quyết vấn đề và sáng tạo	610	123	60	135	62	116	59	124	51	112	66
Tốt	179	35	17	32	19	35	17	39	19	38	26
Đạt	418	88	43	103	43	81	42	79	31	67	38
Cần cố gắng	13							6	1	7	2
Năng lực đặc thù											
Ngôn ngữ	610	123	60	135	62	116	59	124	51	112	66
Tốt	172	34	17	33	19	35	19	37	23	33	22
Đạt	384	80	39	92	43	68	35	73	24	71	42

Cần cố gắng	54	9	4	10		13	5	14	4	8	2
Tính toán	610	123	60	135	62	116	59	124	51	112	66
Tốt	180	36	17	37	20	36	17	38	16	33	20
Đạt	376	80	41	87	42	64	34	73	31	72	44
Cần cố gắng	54	7	2	11		16	8	13	4	7	2
Tin học	352					116	59	124	51	112	66
Tốt	90					31	14	32	17	27	17
Đạt	232					72	37	80	30	80	49
Cần cố gắng	30					13	8	12	4	5	
Công nghệ	352					116	59	124	51	112	66
Tốt	103					33	16	34	18	36	25
Đạt	249					83	43	90	33	76	41
Cần cố gắng											
Khoa học	610	123	60	135	62	116	59	124	51	112	66
Tốt	189	35	17	46	26	37	17	39	23	32	21
Đạt	402	88	43	85	36	79	42	72	24	78	45
Cần cố gắng	19			4				13	4	2	
Thẩm mĩ	610	123	60	135	62	116	59	124	51	112	66
Tốt	180	34	17	37	21	35	19	38	20	36	26
Đạt	430	89	43	98	41	81	40	86	31	76	40
Cần cố gắng											
Thể chất	610	123	60	135	62	116	59	124	51	112	66
Tốt	183	34	17	34	18	37	17	39	20	39	28
Đạt	427	89	43	101	44	79	42	85	31	73	38
Cần cố gắng											
III. Phẩm chất chủ yếu											
Yêu nước	610	123	60	135	62	116	59	124	51	112	66
Tốt	227	45	21	45	25	41	19	50	26	46	33
Đạt	383	78	39	90	37	75	40	74	25	66	33
Cần cố gắng											
Nhân ái	610	123	60	135	62	116	59	124	51	112	66
Tốt	223	45	21	44	25	41	19	45	22	48	33
Đạt	387	78	39	91	37	75	40	79	29	64	33
Cần cố gắng											
Chăm chỉ	610	123	60	135	62	116	59	124	51	112	66
Tốt	223	45	21	44	25	41	19	45	22	48	33
Đạt	387	78	39	91	37	75	40	79	29	64	33
Cần cố gắng											
Trung thực	610	123	60	135	62	116	59	124	51	112	66
Tốt	223	45	21	44	25	41	19	45	22	48	33
Đạt	387	78	39	91	37	75	40	79	29	64	33
Cần cố gắng											
Trách nhiệm	610	123	60	135	62	116	59	124	51	112	66

Tốt	223	45	21	44	25	41	19	45	22	48	33
Đạt	387	78	39	91	37	75	40	79	29	64	33
Cần cố gắng											
IV. Đánh giá KQGD											
- Hoàn thành xuất											
- Hoàn thành tốt											
- Hoàn thành											
- Chưa hoàn thành											
V. Khen thưởng											
- Giấy khen cấp trường											
- Giấy khen cấp trên											
VI. HSDT được trợ giảng											
VII. HS.K.Tật	4	1		1	1	1				1	
VIII. HS bỏ học kỳ II											
+ Hoàn cảnh GDKK											
+ KK trong học tập											
+ Xa trường, đi lại K.khẩn											
+ Thiên tai, dịch bệnh											
+ Nguyên nhân khác											
IX. Chương trình lớp học											
Hoàn thành											
Chưa hoàn thành											

Khen thưởng Cuộc thi IOE Tiếng anh.

- Cấp xã: 3 em đạt giải
- Cấp Tỉnh: 3 em đạt giải

- Phong trào hoạt động của đội TNTPHCM Tổ chức nhiều các hoạt động ngoại khóa, trải nghiệm, sinh hoạt câu lạc bộ, tham gia nhiều các cuộc thi: 63 bài viết thư quốc tế UPU được gửi dự thi; Sân chơi ý tưởng trẻ thơ...

c) Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình tiểu học: 100/100 đạt 100%

3. Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp thực hiện công khai thêm nội dung: số lượng học sinh đang học (chia theo số lượng học sinh là người Việt Nam, số lượng học sinh là người nước ngoài:

Không

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH:

Hằng năm, nhà trường căn cứ vào ngân sách được giao, các nguồn thu tại trường để lập dự toán thu chi. Dự toán được xây dựng đúng quy trình. Nhà trường thực hiện thu chi, quyết toán và báo cáo tài chính theo chế độ kế toán, tài

chính của Nhà nước: có dự toán, quyết toán tài chính, báo cáo tài chính theo từng năm học và thực hiện đầy đủ các quy định quản lý, lưu trữ hồ sơ chứng từ. Hệ thống sổ sách, chứng từ của trường đầy đủ và hợp lệ. Các khoản thu chi của nhà trường đều thực hiện theo các văn bản hướng dẫn của các cấp có thẩm quyền. Ngay đầu mỗi năm học, Hiệu trưởng căn cứ vào nhiệm vụ năm học để xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ trường học và định kì tự kiểm tra công tác tài chính, tài sản theo đúng quy định, quy chế chi tiêu nội bộ.

Quyết toán chi ngân sách: (Tính từ 01/7/2025 đến 31/12/2025)

Số dư kinh phí năm trước chuyển sang: 0 đồng;

Dự toán được giao trong năm: 6.168.000.000 đồng, trong đó:

+ Dự toán giao đầu năm: 6.168.000.000 đồng

+ Dự toán bổ sung trong năm: 0 đồng

- Kinh phí thực nhận trong năm : 6.068.599.654 đồng (số chi đến thời điểm 15/01-2025)

- Số còn lại ở kho bạc: 99.400.346 đồng đến thời điểm 15/01-2025)

- Kinh phí quyết toán: đồng;

- Kinh phí giảm trong năm: 0 đồng

- Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán: đồng, bao gồm:

+ Kinh phí đã nhận: 0 đồng;

+ Dự toán còn dư ở Kho bạc: 0 đồng

- Kinh nhận tài trợ, viện trợ xã hội hóa giáo dục năm học 2025 -2026:đồng, trong đó:

+ Kinh phí tài trợ nuôi em: 123.420.000 đồng

+ Kinh phí tài trợ TSCSVC, Phong trào, thi đua khen thưởng :

- Kinh phí quyết toán nhận tài trợ, viện trợ xã hội hóa giáo dục năm học 2025 -2026: đồng;

- Kinh phí nguồn thỏa thuận dịch vụ năm học 2025 - 2026: đồng

- Kinh phí quyết toán nguồn thỏa thuận dịch vụ năm học 2025 - 2026: đồng;

- Kinh phí giảm trong năm: 0 đồng

- Số dư kinh phí dịch vụ, thỏa thuận được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán: đồng.

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC:

1. Thực hiện các giải pháp bảo đảm an toàn trường học

- Duy trì vệ sinh môi trường trong trường học và các phương án bảo đảm sức khỏe cho học sinh, nhân viên, giáo viên, cán bộ quản lý; chủ động các

phương án để tổ chức dạy học theo các hình thức linh hoạt, phù hợp với tâm sinh lý học sinh, đề phòng các trường hợp xảy ra thiên tai, dịch bệnh tại nhà trường, địa phương.

- Tổ chức triển khai có hiệu quả của các nhiệm vụ về giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho học sinh; công tác bảo đảm môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng chống bạo lực học đường.

2. Thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục

- Xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường chủ động, linh hoạt thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ năm học

- Tổ chức xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường, kế hoạch dạy học các môn học và hoạt động giáo dục, kế hoạch bài dạy theo hướng dẫn tại Công văn số 2345/BGDĐT-GDTH ngày 07/6/2021 của Bộ GD&ĐT; lựa chọn nội dung giáo dục cốt lõi, cần thiết phù hợp với khung thời gian năm học; bảo đảm thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học linh hoạt, chủ động, hiệu quả phù hợp với hoàn cảnh, điều kiện của đơn vị trường đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ năm học.

3. Về các phong trào hoạt động:

- Chi đoàn, Đội và giáo viên các khối phối hợp tổ chức tốt các giờ sinh hoạt tập thể, phát thanh măng non; tuyên truyền sâu về phòng chống bạo lực học đường, phòng chống xâm hại trẻ; tổ chức các hoạt động trải nghiệm cho HS.

- Kết nạp được 126 đội viên mới trong năm học.

- HS vẽ tranh chủ đề: “Vẽ tranh của thiếu niên, nhi đồng về Chiến thắng Điện Biên Phủ và hình ảnh Điện Biên Phủ hôm nay”, ...

- Tổ chức SHTT với chủ đề “An toàn giao thông”

- Tham gia vẽ tranh, làm báo chủ đề “Biết ơn thầy cô giáo”.

- HS tích cực tham gia viết thư UPU lần thứ 52, toàn trường chọn gửi 18 bức thư về BTC.

- Khuyến khích học sinh viết về Gương bạn tốt trong lớp, trường.

- Duy trì các hoạt động giáo dục ý thức, kỹ năng sống cho học sinh đặc biệt là kỹ năng phòng chống dịch bệnh.

- Thực hiện tốt các hoạt động nhân đạo, từ thiện, phong trào ủng hộ.

- + CB, GV, NV ủng hộ các loại quỹ năm học 2024-2025 được 31.180.000 đồng.

- Nhà trường tổ chức Trung thu, tặng quà HS HCKK của trường các ngày Lễ, Tết.

- Tổ chức hoạt động trải nghiệm đảm bảo an toàn, đạt hiệu quả tốt.

- Thường xuyên nhắc nhở, kiểm tra việc thực hiện nội quy của học sinh.

4. Công tác xã hội hóa:

- Phụ huynh luôn phối hợp ủng hộ các chủ trương của nhà trường trong công tác dạy dỗ và chăm sóc học sinh; luôn quan tâm đến đội ngũ CB - GV - NV.

- Phụ huynh các lớp tích cực tham gia lao động xây dựng cơ sở vật chất. Cùng nhà trường, làm đồ chơi ngoài trời cho con em.

5. Công tác bán trú và chăm sóc sức khỏe học sinh:

- Thực hiện tốt nề nếp bán trú, đảm bảo chế độ ăn hợp lý, phong phú, VSAT thực phẩm; hàng tuần công khai thực đơn và định lượng bữa ăn của HS trên bảng công khai

- Đại diện PHHS các lớp cùng BGH, công đoàn, y tế, thanh tra tham gia giám sát thực phẩm hàng ngày.

- Quan tâm sức khỏe HS; đảm bảo công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu, theo dõi dịch bệnh trong HS.

6. Nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục:

- 100% CB-GV trong nhà trường thường xuyên trau dồi phẩm chất, đạo đức và học tập để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ thông qua các hình thức: Sinh hoạt chuyên môn, chuyên đề, tham gia đủ các buổi tập huấn về công tác chuyên môn, đánh giá HS.

- Tạo mọi điều kiện cho giáo viên tham gia các lớp đào tạo để nâng cao trình độ.

- Chi bộ trường có 28 đảng viên, các đảng viên đều gương mẫu, hoàn thành xuất sắc và hoàn thành tốt nhiệm vụ. 02 đảng viên tham gia học lớp đảng viên mới.

7. Đầu tư cơ sở vật chất:

Năm học 2025 - 2026 nhà trường đã được đầu tư thay mới biển cổng trường với kinh phí 8.000.000 đồng. Trong đó:

Mua vật liệu di chuyển nhà ăn học sinh tổng kinh phí 96.342.000 đ

8. Công tác quản lý:

- Nhà trường làm tốt công tác kiểm tra nội bộ, kiểm tra hoạt động sư phạm của giáo viên. Tăng cường trật tự kỉ cương, nề nếp trong trường.

- Thường xuyên kiểm tra, thăm lớp dự giờ, quản lý chặt chẽ chất lượng giáo dục và việc thực hiện quy chế chuyên môn của giáo viên, nội quy và quy chế dân chủ trong nhà trường.

- Quản lí CB-GV-NV chặt chẽ, phân công đúng người rõ việc, công bằng.

- Triển khai tập huấn, hỗ trợ và động viên GV kịp thời cập nhật hệ thống phần mềm CSDL Ngành đảm bảo tiến độ.

- Đảm bảo công khai, công bằng, chính xác việc bình xét thi đua hàng năm trên cơ sở động viên nhằm phát huy năng lực cá nhân và sức mạnh tập thể, cộng đồng trách nhiệm trong mọi công việc.

- Không có cá nhân vi phạm kỷ luật.
- Huy động sự vào cuộc của các tổ chức đoàn thể thông qua các hoạt động; có sơ tổng kết và tuyên dương, nhắc nhở kịp thời để rút kinh nghiệm.
- Đảm bảo chất lượng đại trà và mũi nhọn học sinh; nâng cao trình độ giáo viên, nhân viên.

Trên đây là báo cáo thường niên 6 tháng cuối năm 2025, năm học 2025-2026 của trường PTDTBT TH Nậm Tin theo mẫu 01 Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT./.

Nơi nhận:

- Phòng VH-XH xã Mường Chà;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Lê Thị Chiên